

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị
thuộc Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ các Quyết định số 805/QĐ-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 và số 1662/QĐ-BXD ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng và quy trình thực hiện một số nội dung về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp công thuộc Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, chi tiết như Phụ lục I đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng có trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp liên quan đến số lượng, chủng loại, mục đích sử dụng, giá mua xe, phương thức quản lý xe ô tô chuyên dùng đề nghị được giao.

b) Thực hiện việc mua sắm, bố trí, quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô chuyên dùng theo đúng định mức nêu tại Điều 1 Quyết định này, phù hợp với phạm vi, đối tượng được sử dụng, khối lượng nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

c) Sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng mục đích được phê duyệt, được bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

d) Thực hiện rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành; thực hiện bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) theo quy định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật; cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

đ) Trên cơ sở định mức được ban hành tại Quyết định này, trường hợp cấp có thẩm quyền có hướng dẫn mới về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô hoặc tình hình tổ chức bộ máy, số lượng biên chế, nhu cầu công tác có sự điều chỉnh, các cơ quan, đơn vị tiến hành rà soát, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung định mức; báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quyết định/văn bản phê duyệt định mức xe ô tô chuyên dùng do Bộ Xây dựng ban hành trước đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành (như Phụ lục II đính kèm).

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc nhà nước;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng (để công khai);
- Lưu: VT, KH-TC (Binh).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Việt Hùng

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. Số lượng xe ô tô chuyên dùng:

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1	Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng	4
2	Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng	1
3	Cục Đường bộ Việt Nam	127
4	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	52
5	Cục Hàng không Việt Nam	38
6	Cục Đường sắt Việt Nam	12
7	Cục Y tế	1
8	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	5
9	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	29
10	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	1
11	Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh	3
12	Trường Đại học Xây dựng miền Trung	1
13	Trường Đại học Xây dựng miền Tây	2
14	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	113
15	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương II	1
16	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương IV	1
17	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V	1
18	Trường Cao đẳng nghề LILAMA 1	22
19	Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng	1
	TỔNG CỘNG	415

II. Giá mua xe ô tô chuyên dùng:

Giá mua xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 17 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể: giá mua xe ô tô được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng. Tại thời điểm triển khai mua sắm xe ô tô chuyên dùng (nếu có), đơn vị căn cứ mức giá thị trường, nhu cầu thực

tế và yêu cầu nhiệm vụ để trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Giá mua xe ô tô trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí sử dụng đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe và các quy định khác tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ).

III. Mục đích sử dụng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng:

Mục đích sử dụng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng của từng cơ quan, đơn vị được quy định chi tiết tại các Biểu đính kèm Phụ lục này. Xe ô tô chuyên dùng phải được sử dụng theo đúng mục đích, được bố trí sử dụng kết hợp để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ).

Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe gắn thiết bị chuyên dùng thí nghiệm, kiểm định	Xe 7-9 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng thí nghiệm, kiểm định.	4
	TỔNG CỘNG		4

Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe phục vụ công tác kiểm định	Xe bán tải 05 chỗ vận chuyển cán bộ và thiết bị kiểm định.	1
	TỔNG CỘNG		1

Cục Đường bộ Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DỪNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Cục Đường bộ Việt Nam		1
1	Xe thí nghiệm Las-XD 204	Xe 9-16 chỗ, xe có gắn thiết bị khảo sát (hệ thống camera, hệ thống phân tích thu thập dữ liệu,...).	1
II	Cơ quan Cục Đường bộ Việt Nam		5
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	4
		Xe 16 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
III	Khu Quản lý đường bộ		12
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	8
		Xe 16 chỗ ngồi gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	4

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DỤNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
IV	Văn phòng Quản lý đường bộ		16
1	Xe tuần kiểm đường bộ	Xe ô tô bán tải phục vụ công tác tuần kiểm đường cao tốc, đường quốc lộ theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ. Hai bên thành xe in chữ "Tuần kiểm đường bộ".	16
V	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải đường bộ		93
1	Xe đào tạo, sát hạch lái xe	Xe các loại phục vụ đào tạo, sát hạch lái xe.	92
2	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		127

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Văn phòng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam		5
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 7-15 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	3
2	Xe thanh tra	Xe 7-8 chỗ, hai bên cửa xe có sơn chữ “Thanh tra Hàng hải Việt Nam”, có phản quang đối với xe ô tô	2
II	Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
III	Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
IV	Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I		1

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
V	Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực II		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
VI	Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
VII	Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
VIII	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh		2
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	2
IX	Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng		2

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	2
X	Cảng vụ Hàng hải Thái Bình		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XI	Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XII	Cảng vụ Hàng hải Nghệ An		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XIII	Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XIV	Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm	1

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
		cứu nạn theo quy định của pháp luật.	
XV	Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XVI	Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng		2
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	2
XVII	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XVIII	Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XIX	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
XX	Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XXI	Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XXII	Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh		2
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	2
XXIII	Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ		1
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
XXIV	Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang		2
1	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	2
XXV	Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy I		1
1	Xe phục vụ đưa đón giảng viên và học sinh	Xe trên 16 chỗ.	1

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
XXVI	Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy II		1
1	Xe phục vụ đưa đón giảng viên và học sinh	Xe trên 16 chỗ.	1
XXVII	Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam		17
1	<i>Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam - Văn Phòng Trung tâm Hà Nội</i>		5
-	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 4-8 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	4
		Xe 13 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
2	<i>Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam - Khu vực I</i>		3
-	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe ô tô tải 2,5 tấn gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe 13 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DỪNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
3	<i>Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam - Khu vực II</i>		3
-	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe ô tô tải 2,5 tấn gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe 13 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
4	<i>Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam - Khu vực III</i>		3
-	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe ô tô tải 2,5 tấn gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe 13 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
5	<i>Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam - Khu vực IV</i>		3

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DỪNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
-	Xe phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe ô tô tải 2,5 tấn gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
		Xe 13 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	1
	TỔNG CỘNG		52

Cục Hàng không Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG			
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam		8	
1	Xe phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	2	
2	Xe phục vụ công tác điều tra sự cố tai nạn hàng không	Xe 16 chỗ gắn thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị định vị và có dấu hiệu riêng được in rõ trên thành xe.	1	
3	Xe phục vụ công tác thanh tra hàng không	Xe 07 chỗ gắn các thiết bị thanh tra chuyên ngành và có in rõ chữ “Thanh tra giao thông” trên thành xe.	2	
4	Xe phục vụ công tác giám sát an toàn hàng không	Xe 07 chỗ gắn các thiết bị giám sát an ninh, an toàn hàng không và có dấu hiệu riêng được in rõ trên thành xe.	3	
II	Cảng vụ Hàng không miền Bắc		10	
1	Xe phục vụ công tác giám sát an toàn hàng không	Xe trên 16 chỗ ngồi, gắn các thiết bị giám sát an ninh, an toàn hàng không.	3	

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG			
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2	Xe phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	7	Tương ứng với 7 sân bay trong phạm vi quản lý của Cảng vụ. Trường hợp có thêm sân bay mới đi vào hoạt động thì được trang bị thêm tối đa 01 xe ô tô/ 01 sân bay
III	Cảng vụ Hàng không miền Trung		9	
1	Xe phục vụ công tác giám sát an toàn hàng không	Xe trên 16 chỗ, gắn các thiết bị giám sát an ninh, an toàn hàng không.	2	
2	Xe phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	7	Tương ứng với 7 sân bay trong phạm vi quản lý của Cảng vụ. Trường hợp có thêm sân bay mới đi vào hoạt động thì được trang bị thêm tối đa 01 xe ô tô/ 01 sân bay
IV	Cảng vụ Hàng không miền Nam		10	
1	Xe phục vụ công tác giám sát an toàn hàng không	Xe trên 16 chỗ, gắn các thiết bị giám sát an ninh, an toàn hàng không.	2	
2	Xe phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn hàng không	Xe 07 chỗ gắn thiết bị chuyên dùng, có gắn biển hiệu nhận biết xe tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.	8	Tương ứng với 8 sân bay trong phạm vi quản lý của Cảng vụ. Trường hợp có thêm sân bay mới đi vào hoạt động thì được trang bị thêm tối đa 01 xe ô tô/ 01 sân bay

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG			
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
V	Trung tâm Y tế hàng không		1	
1	Xe ô tô cứu thương	Xe trên 16 chỗ, gắn các thiết bị giám sát an ninh, an toàn hàng không	1	
	TỔNG CỘNG		38	

Cục Đường sắt Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe phục vụ công tác kiểm tra chuyên ngành	Xe 07 chỗ, có gắn các thiết bị chuyên ngành và có dấu hiệu riêng để in rõ trên thành xe.	11
2	Xe phục vụ công tác phòng chống lụt bão	Xe 07 chỗ, có gắn thiết bị định vị và có dấu hiệu riêng được in rõ trên thành xe.	1
	TỔNG CỘNG		12

Cục Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường GTVT		1
1	Xe cứu thương	Xe cứu thương.	1
	TỔNG CỘNG		1

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	2
2	Xe đào tạo chuyên ngành Logistics	Xe ô tô tải.	2
		Xe ô tô tải đầu kéo.	1
	TỔNG CỘNG		5

Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
4	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	5
5	Xe ô tô đào tạo lái xe	Xe các loại phục vụ đào tạo lái xe.	24
	TỔNG CỘNG		29

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		1

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	3
	TỔNG CỘNG		3

Trường Đại học Xây dựng miền Trung

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		1

Trường Đại học Xây dựng miền Tây

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	2
	TỔNG CỘNG		2

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

ST T	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe dùng đào tạo nghề vận hành cầu, cần trục	Xe ô tô tải gắn cần trục.	3
2	Xe dùng đào tạo nghề vận hành máy thi công	Xe ô tô tải đầu kéo và Sơ mi rơ mooc.	1
		Xe ô tô tải.	8
3	Xe dùng đào tạo nghề ô tô	Ô tô dưới 9 chỗ (bao gồm cả xe số sàn và số tự động; xe có lắp phanh phụ phục vụ chẩn đoán, bảo dưỡng sửa chữa, chạy thử và giảng dạy).	8
		Xe ô tô tải.	4
4	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	2
5	Xe ô tô đào tạo lái xe	Xe các loại phục vụ đào tạo lái xe.	62
6	Xe ô tô sát hạch lái xe	Xe các loại phục vụ sát hạch lái xe.	25
	TỔNG CỘNG		113

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương II

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		1

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương IV

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		1

Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô đưa đón giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		1

Trường Cao đẳng nghề LILAMA 1

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô chở giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	2
2	Xe ô tô đào tạo lái xe	Xe các loại phục vụ đào tạo lái xe.	20
	TỔNG CỘNG		22

Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE CHUYÊN DÙNG		
	Loại (lĩnh vực)/Mục đích sử dụng	Chủng loại	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Xe ô tô chở giảng viên và học viên	Xe ô tô trên 16 chỗ.	1
	TỔNG CỘNG		1

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Số Quyết định/ Văn bản	Trích yếu	Cơ quan ban hành
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
1	1456/QĐ-BXD ngày 29/12/2023	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng quản lý	Bộ Xây dựng (cũ)
2	1937/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2020	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông	Bộ Giao thông vận tải
3	1627/QĐ-BGTVT ngày 06/9/2021	Về việc ban hành bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông	Bộ Giao thông vận tải
4	321/QĐ-BGTVT ngày 16/3/2022	Về việc điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông	Bộ Giao thông vận tải
5	11349/BGTVT-TC ngày 18/10/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Cục Quản lý đầu tư xây dựng	Bộ Giao thông vận tải
6	11035/BGTVT-TC ngày 11/10/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Cục Đường sắt Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải

TT	Số Quyết định/ Văn bản	Trích yếu	Cơ quan ban hành
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
7	245/QĐ-BGTVT ngày 04/02/2021	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của một số đơn vị thuộc Cục Đường sắt Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
8	2245/BGTVT-TC ngày 03/3/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của đơn vị thuộc Cục Hàng không Việt Nam theo Nghị định 72/2023/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải
9	174/QĐ-BGTVT ngày 22/01/2021	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của một số đơn vị thuộc Cục Hàng không Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
10	10454/BGTVT-TC ngày 27/9/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của các đơn vị trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
11	898/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2020	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng chở giảng viên, sinh viên (phục vụ công tác đào tạo)	Bộ Giao thông vận tải
12	2267/QĐ-BGTVT ngày 01/12/2020	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các đơn vị thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
13	1189/QĐ-BGTVT ngày 30/9/2024	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực V	Bộ Giao thông vận tải
14	11589/BGTVT-TC ngày 24/10/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của các đơn vị thuộc Cục Đường bộ Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải

TT	Số Quyết định/ Văn bản	Trích yếu	Cơ quan ban hành
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
15	545/QĐ-BGTVT ngày 09/4/2020	Về việc ban hành quy định, tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực quản lý giao thông đường bộ trang bị cho các cơ quan, đơn vị thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
16	8041/BGTVT-TC ngày 29/7/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của các đơn vị thuộc Cục Hàng hải Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
17	852/QĐ-BGTVT ngày 06/5/2020	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của một số đơn vị thuộc Cục Hàng hải Việt Nam và Văn phòng Bộ Giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải
18	1978/QĐ-BGTVT ngày 26/10/2020	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của một số đơn vị thuộc Cục Hàng hải Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
19	1548/QĐ-BGTVT ngày 24/11/2022	Về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam	Bộ Giao thông vận tải
20	9807/BGTVT-TC ngày 11/9/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô	Bộ Giao thông vận tải
21	970/QĐ-BGTVT ngày 19/5/2020	Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các đơn vị y tế giao thông vận tải	Bộ Giao thông vận tải
22	6333/BGTVT-TC ngày 13/6/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của Học viện Hàng không Việt Nam theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải

TT	Số Quyết định/ Văn bản	Trích yếu	Cơ quan ban hành
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
23	11096/BGTVT-TC ngày 14/10/2024	Về việc sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung của các trường phía Bắc trực thuộc Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
24	1293/QĐ-BGTVT ngày 23/10/2024	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam và Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	Bộ Giao thông vận tải
25	10656/BGTVT-TC ngày 03/10/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của Trường Cao đẳng GTVT Trung ương V theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ	Bộ Giao thông vận tải
26	1878/QĐ-BGTVT ngày 27/02/2017	Về việc thống nhất phương án sắp xếp xe ô tô của các Trường, Học viện trực thuộc Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
27	11083/BGTVT-TC ngày 14/10/2024	Về việc tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của Trường Đại học GTVT TP.HCM theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP	Bộ Giao thông vận tải